

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TANG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Tầng 20, Tòa nhà SunWah, Số 115 đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Các đổi kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 61

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Tầng 20, Tòa nhà SunWah, Số 115 đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CH (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CH (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CH Engineering and Construction JSC.

Tên Công ty viết tắt là: CH E&C.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 20, Tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Thước	Phó Chủ tịch thường trực (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Ngô Đình Thành	Thành viên
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phùng Văn Hiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Đình Thành	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 9 năm 2018)
Ông Phạm Vũ Thước	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Phùng Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm Tổng Giám đốc ngày 10 tháng 3 năm 2018, miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 11 tháng 9 năm 2018)
Ông Nguyễn Trường Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2018)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Hải Ca	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm Thành viên ngày 24 tháng 12 năm 2018 và trở thành Trưởng Ban kiểm soát ngày 22 tháng 1 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên (miễn nhiệm vị trí Trưởng ban kiểm soát, trở thành thành viên từ ngày 22 tháng 1 năm 2019)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Lê Thị Bé Mềm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Tầng 20, Tòa nhà SunWah, Số 115 đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải diễn chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hăm hiện cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Đình Thành
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Số: 311 /2019/BCKT-BCTUHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CH (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2019, từ trang 5 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro củ sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày lồng ghép Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Vấn đề nhấn mạnh**

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.23 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng thể hiện rằng Công ty chưa ghi nhận khoản cổ tức năm 2017 phải trả cho cổ đông với giá trị là 20.750.000.000 đồng. Đây là khoản cổ tức đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty chưa ra quyết định chi trả cổ tức, do đó khoản cổ tức này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 26 tháng 3 năm 2018.



Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0147-2018-137-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Tiến Trình
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1806-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
				VND	VND
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.882.727.910.556	1.654.143.264.130
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	36.115.978.855	102.348.349.253
1.	Tiền	111		36.115.978.855	92.348.349.253
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II.	Dầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	161.001
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	161.001
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.104.737.172.888	829.353.286.614
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	197.153.502.374	209.193.970.548
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	143.176.573.675	158.662.477.413
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	553.786.736.375	197.574.190.058
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	215.547.995.105	268.798.317.752
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(4.927.634.641)	(4.875.569.157)
IV.	Hàng tồn kho	140	5.7	736.066.056.463	707.809.014.052
1.	Hàng tồn kho	141		736.066.056.463	707.809.014.052
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		5.808.702.350	14.632.453.210
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.061.236.341	1.492.005.438
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.747.466.009	13.140.447.772

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		322.351.529.189	318.320.441.114
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24.129.486.444	5.193.393.790
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.8	24.129.486.444	5.193.393.790
II. Tài sản cố định	220		101.670.220.090	113.150.761.468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	74.548.490.710	78.117.214.194
- Nguyên giá	222		148.039.096.827	138.779.122.063
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.510.606.112)	(60.661.907.869)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	19.486.187.955	27.701.501.067
- Nguyên giá	225		26.321.636.347	33.309.876.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.835.448.394)	(5.608.375.280)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	7.635.541.427	7.332.046.207
- Nguyên giá	228		8.767.531.506	8.831.388.649
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.131.990.079)	(1.499.242.442)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	4.997.156.733	4.997.156.733
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	5.836.987.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(839.830.635)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		997.272.727	856.323.202
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	997.272.727	856.323.202
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		120.000.000.000	120.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.14	120.000.000.000	120.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		70.557.393.195	74.122.805.921
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	38.928.226.215	38.176.272.024
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.15	2.417.117.116	2.240.322.516
3. Lợi thế thương mại	269	5.16	29.212.049.864	33.706.211.381
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.205.079.439.745	1.972.463.705.244

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 - DN/MTN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	1.735.037.755,512	1.461.813.168,179
I. Nợ ngắn hạn	310	1.476.301.245,492	1.445.611.725,421
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 5.17	270.754.929,813	150.621.959,964
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 5.18	433.742.730,562	518.569.074,907
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.19	19.952.021,914	15.464.399,057
4. Phải trả người lao động	314	4.385.924,074	6.041.439,187
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 5.20	6.683.530,741	2.983.152,035
6. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.21	37.317.933,738	67.739.064,083
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 5.22	701.936.649,072	683.128.448,953
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.527.525,608	1.064.187,235
II. Nợ dài hạn	330	258.736.510,020	16.201.442,758
1. Phải trả dài hạn khác	337 5.21	-	5.750.000,000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 5.22	258.686.618,031	10.357.168,490
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341 5.15	49.891,989	94.274,268
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	470.041.684,233	510.650.537,065
I. Vốn chủ sở hữu	410 5.23	470.041.684,233	510.650.537,065
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	415.000.000,000	415.000.000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	415.000.000,000	415.000.000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	400.000,000	400.000,000
3. Cổ phiếu quỹ	415	(39.818,367,279)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	8.878.207,573	7.099.220,906
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	85.406,105,805	87.970.101,299
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	82.969.890,810	(689.672,346)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	2.436.214,995	88.659.773,645
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	175.738,134	181.214,860
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	2.205.079.439,745	1.972.463.705,244

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc




Ngô Đình Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 - DN/IN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.24	1.183.784.847.430	830.401.835.217
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.24	44.797.349	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.24	1.183.740.140.081	830.401.835.217
4. Giá vốn hàng bán	11	5.25	1.088.021.557.323	667.009.399.049
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		95.718.582.758	163.392.436.168
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.26	57.285.306.001	42.225.388.058
7. Chi phí tài chính	22	5.27	69.032.939.281	59.447.579.137
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		69.919.864.514	59.446.566.852
8. Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.28	5.096.018.078	6.294.285.868
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.29	52.037.599.518	54.530.184.493
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - 24 - (25 + 26)]	30		26.837.331.882	85.345.824.726
12. Thu nhập khác	31	5.30	525.495.300	27.841.629.499
13. Chi phí khác	32	5.31	3.588.422.766	3.752.508.428
14. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.062.927.466)	24.089.119.071
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.774.404.416	109.434.943.797
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.32	19.810.758.093	16.462.665.473
17. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.15	(221.176.879)	2.679.755.991
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.184.823.202	90.292.522.333
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.169.299.928	90.270.559.651
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		15.523.274	21.962.582
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.34	96	2.110

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Ngô Đình Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.774.404.416	109.434.943.797
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	21.157.800.639	257.660.996
Các khoản dự phòng	03	51.965.484	419.926.889
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	354.064	962.285
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(56.718.132.274)	(41.406.730.568)
Chi phí lãi vay	06	69.019.864.514	59.446.566.852
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	57.286.256.843	128.153.330.251
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	76.834.986.220	(62.273.054.185)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(28.257.042.411)	(254.423.143.329)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	41.672.743.232	320.608.141.470
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(268.171.395)	(9.351.900.735)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	161.001	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(67.406.150.554)	(52.990.638.282)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.841.446.825)	(13.108.616.670)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	14.500.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.729.342.690)	(2.244.803.743)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	62.306.493.421	54.369.284.777
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.457.470.059)	(18.099.670.319)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	614.545.546	420.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(830.298.538.751)	(367.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	474.085.992.434	15.583.188.649
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	95.736.532
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	48.816.292.095	19.276.431.516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(311.239.178.735)	(350.724.813.622)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018		Năm 2017	
		VND		VND	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(39.818.367.279)	-		
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.878.901.632.931	1.930.586.510.768		
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.606.450.039.960)	(1.549.577.727.557)		
4. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(9.274.071.612)	(10.515.537.752)		
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(40.658.485.100)	(40.808.267)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	182.700.668.980	370.452.437.192		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(66.232.016.334)	74.096.908.347		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	102.348.349.253	28.252.403.191		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(354.064)	(962.285)		
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	36.115.978.855	102.348.349.253		

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Ngô Đình Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Engineering and Construction JSC.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Vốn điều lệ của Công ty là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE.

Trụ sở chính tại: Tầng 20, tòa nhà SunWalt, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cầu kiểu thép, sản phẩm cơ khí khác, sửa chữa máy móc, thiết bị thủ công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/SH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi ("NQN")	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CH E&C ("CH E&C - BM")	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CH E&C ("CH E&C - CC")	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lũy Gia ("LGC")	Tp. Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; duy tu bảo dưỡng công trình

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Vào ngày 24 tháng 12 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông bất thường của Công ty đã ban hành Nghị Quyết về việc sẽ thực hiện sáp nhập Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CH E&C và Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CH E&C vào Công ty. Công ty mẹ cam kết sẽ kế thừa tất cả các nghĩa vụ, quyền và lợi ích đối với tất cả tài sản và nợ phải trả từ 2 công ty con này

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Theo kế hoạch sáp nhập vào Công ty mẹ đã được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông vào ngày 24 tháng 12 năm 2018, do đó Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CH E&C và Công ty TNHH MTV Xây dựng Đất dựng CH E&C cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục. Tuy nhiên do Công ty mẹ cam kết sẽ kế thừa tất cả các nghĩa vụ, quyền và lợi ích đối với tất cả tài sản và nợ phải trả sau khi sáp nhập nên báo cáo tài chính của 2 công ty con này đã được điều chỉnh và trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục để phục vụ cho việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phần bổ hàng năm thì phần bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền): Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.
- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền. Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không ký hạn)

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không ký hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, để đảm bảo chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng được mua vào và bán ra để kiếm lời), gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khổ vớc giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập. Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý, việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tố phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo khổ vớc giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị dự trữ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán tài sản thuê tài chính**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện kỳ kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích đầu tư từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán, Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của một hoặc nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí khai thác khoáng sản không được vốn hóa vào giá trị tài sản cố định vô hình và các khoản chi phí trả trước khác.

Các chi phí khai thác khoáng sản không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ và chi phí đền bù, xây dựng mỏ;
- Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá;
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho UBND địa phương nơi khai thác.

Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng và chi phí đền bù, xây dựng mỏ

Các khoản chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng, đền bù và xây dựng cơ sở hạ tầng cho mỏ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước dài hạn dựa theo các chi phí thực tế phát sinh. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép khai thác mỏ.

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá được ghi nhận là chi phí trả trước khi Công ty có thể tiếp cận được lớp đá mới để khai thác. Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và chi phí phát sinh có thể được tính toán một cách đáng tin cậy. Chi phí này được phân bổ theo tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng năm so với tổng trữ lượng ước tính của mỏ.

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác nhận với đơn giá do UBND tỉnh nơi có mỏ khai thác công bố theo Nghị định số 2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ theo thời gian được khai thác mỏ.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa mỏ khai thác khoáng sản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tố phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phải sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp theo từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và tại thời điểm chốt danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ tài doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi, cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tín dụng thuế thu nhập doanh nghiệp). Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trung năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CTI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chủ không phải là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	4.847.900.424	570.397.261
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.268.078.431	91.777.951.992
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Cộng	36.115.978.855	102.348.349.253

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan (*)	17.876.042.076	35.194.383.946
Phải thu các khách hàng khác	179.277.460.298	173.999.586.602
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	34.913.385.950	26.161.866.173
Phải thu các khách hàng khác	144.364.074.348	147.837.720.429
Cộng	197.153.502.374	209.193.970.548

() Chi tiết phải thu khách hàng là các bên liên quan:*

Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	9.046.562.015	17.276.362.210
Công ty CII B&R	6.566.016.332	12.603.932.389
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.776.435.012	1.662.271.455
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Công ty CII	11.332.527	11.332.527
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	1.445.815.347
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	-	1.280.288.994
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	438.684.834
Cộng	17.876.042.076	35.194.383.946

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Bộ tổng Tiền Phong	37.529.165.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	15.512.457.945	31.544.135.565
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Vận tải Hà Thành	14.814.172.105	2.580.835.457
Các đối tượng khác	75.320.777.825	124.537.506.391
Cộng	143.176.573.675	158.662.477.413

Trong đó, chi tiết trả trước cho người bán là các bên liên quan:

Công ty CII B&R	35.550.000	35.550.000
-----------------	------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HIA TÀNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.4. Phải thu về cho vay

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan (*)	274.786.185.185	197.574.190.058
Phải thu các khách hàng khác	279.000.551.190	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành	84.695.552.109	-
Công ty Cổ phần Teracons	53.853.894.452	-
Đối tượng khác	140.451.104.649	-
Cộng	553.786.736.375	197.574.190.058
<i>(*) Chi tiết phải thu về cho vay là các bên liên quan:</i>		
Công ty CII	274.786.185.185	197.574.190.058

5.5. Phải thu khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công, ban quản lý dự án	148.319.977.413	193.506.062.772
Phải thu về lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	26.889.090.211	18.420.076.305
Phải thu người lao động	5.728.818.944	5.658.176.360
Các khoản chi hệ	16.652.785.445	9.631.425.154
Ký cược, ký quỹ	6.350.974.087	30.103.918.999
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711.872.739	711.872.739
Các khoản phải thu khác	10.894.476.266	10.766.785.423
	215.547.995.105	268.798.317.752
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	24.129.486.444	5.193.393.790
	24.129.486.444	5.193.393.790
Cộng	239.677.481.549	273.991.711.542
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan:</i>		
Phải thu lãi trái phiếu từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	7.566.666.667	7.566.666.667
Phải thu chi phí sử dụng vốn từ Công ty CII	3.816.177.796	10.356.121.582
Cộng	11.382.844.463	17.922.788.249

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.6. Nợ xấu

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng
Phải thu khách hàng	3.079.720.611	314.546.980	(2.765.173.631)	2.919.523.564	80.536.678	(2.838.986.886)
Trả trước cho người bán	419.262.463	-	(419.262.463)	419.262.463	125.778.739	(293.483.724)
Phải thu khác	1.743.198.547	-	(1.743.198.547)	1.743.198.547	-	(1.743.198.547)
Cộng	5.242.181.621	314.546.980	(4.927.634.641)	5.081.984.574	206.315.417	(4.875.669.157)

5.7. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.354.117.540	-	25.997.952.124	-
Công cụ, dụng cụ	168.514.775	-	340.866.744	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang	622.614.169.795	-	617.028.788.634	-
<i>Công trình thi công mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	<i>226.039.054.323</i>	-	<i>183.998.036.760</i>	-
<i>Công trình thi công đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận</i>	<i>158.895.045.242</i>	-	<i>131.101.804.673</i>	-
<i>Công trình thi công xây dựng đoạn I - Quốc lộ 60</i>	<i>18.834.155.739</i>	-	<i>77.139.037.496</i>	-
<i>Công trình thi công hạ tầng khu đô thị Thủ Thiêm</i>	<i>78.050.289.994</i>	-	<i>111.262.419.460</i>	-
<i>Các công trình khác</i>	<i>140.795.621.497</i>	-	<i>105.537.509.245</i>	-
Chi phí sản xuất và phẩm dở dang	41.568.519.019	-	33.182.531.821	-
Thành phẩm	23.736.297.992	-	21.111.369.229	-
Hàng hóa	23.624.437.347	-	15.147.505.500	-
Cộng	736.066.056.463	-	707.809.014.052	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí trả trước**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	323.213.299	757.946.687
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	377.417.665	-
Chi phí khác chờ phân bổ	360.605.377	734.058.751
	1.061.236.341	1.492.005.438
b. Dài hạn		
Chi phí san lấp mặt bằng và làm đường công vụ phục vụ dự án	18.828.418.060	-
Chi phí đền bù, trưng thu và chi phí cấp quyền khai thác mỏ khoáng sản	8.832.550.035	10.951.662.411
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.440.297.636	12.841.674.095
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	566.604.915	-
Chi phí khác chờ phân bổ	5.260.355.569	14.372.934.518
	38.928.226.215	38.176.272.024
Cộng	39.989.462.556	39.668.277.462

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2018	39.095.265.801	74.062.296.396	24.076.728.639	1.544.831.227	138.779.122.063
Mua trong năm	-	1.574.985.636	2.139.640.909	232.500.000	3.947.126.545
Xây dựng cơ bản hoàn thành	257.732.078	-	-	-	237.732.078
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	7.932.219.090	-	-	7.932.219.090
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(1.207.113.892)	(1.629.988.972)	-	(2.837.102.864)
Tại ngày 31/12/2018	<u>39.332.997.879</u>	<u>82.362.387.140</u>	<u>24.586.380.576</u>	<u>1.777.331.227</u>	<u>148.059.096.822</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2018	7.692.855.525	40.614.646.541	11.327.142.121	1.027.263.682	60.661.907.869
Khấu hao trong năm	1.838.898.562	7.270.759.340	2.914.022.010	172.305.015	12.195.984.927
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(1.200.682.916)	(1.104.693.768)	-	(2.305.376.684)
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	2.958.090.000	-	-	2.958.090.000
Tại ngày 31/12/2018	<u>9.531.754.087</u>	<u>49.642.812.965</u>	<u>13.136.470.363</u>	<u>1.199.568.697</u>	<u>73.510.606.112</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	31.402.410.276	33.447.649.855	12.749.586.518	517.567.545	78.117.214.194
Tại ngày 31/12/2018	<u>29.801.243.792</u>	<u>32.719.574.175</u>	<u>11.449.910.215</u>	<u>577.762.530</u>	<u>74.548.490.710</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mã số B C9 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Thông tin bổ sung cho khoản mục tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 33.467.875.134 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 là 26.758.813.432 VND).

Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng. Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản được thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 75.722.161.223 VND và 53.031.611.044 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 lần lượt là 52.755.256.506 VND và 39.121.693.364 VND). (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.22)

5.10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2018	33.309.876.347
Thuê tài chính trong năm	900.000.000
Mua lại tài sản thuê tài chính	(7.888.240.000)
Tại ngày 31/12/2018	<u>26.321.636.347</u>
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2018	5.608.375.280
Khấu hao trong năm	-4.185.163.114
Mua lại tài sản thuê tài chính	(2.958.090.000)
Tại ngày 31/12/2018	<u>6.835.448.394</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2018	27.701.501.067
Tại ngày 31/12/2018	<u>19.486.187.953</u>

Tài sản cố định thuê tài chính bao gồm các máy móc thiết bị đi thuê theo các hợp đồng thuê tài chính. (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/IN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vì tính	Quyền khai thác khoáng sản	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2018	7.871.388.649	360.000.000	600.000.000	8.831.388.649
Mua trong năm	-	639.000.000	-	639.000.000
Giảm khác	(42.857.143)	-	(600.000.000)	(642.857.143)
Phân loại sang chi phí trả trước	-	(60.000.000)	-	(60.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	<u>7.828.531.506</u>	<u>939.000.000</u>	<u>-</u>	<u>8.767.531.506</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2018	717.036.842	182.305.600	600.000.000	1.499.342.442
Khấu hao trong năm	203.450.532	79.040.549	-	282.491.081
Giảm khác	(42.857.143)	-	(600.000.000)	(642.857.143)
Phân loại sang chi phí trả trước	-	(6.986.301)	-	(6.986.301)
Tại ngày 31/12/2018	<u>877.630.231</u>	<u>254.359.848</u>	<u>-</u>	<u>1.131.990.079</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2018	7.154.351.807	177.694.400	-	7.332.046.207
Tại ngày 31/12/2018	<u>6.950.901.275</u>	<u>684.640.152</u>	<u>-</u>	<u>7.635.541.427</u>

Thông tin bổ sung cho khoản mục tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất được sử dụng để xây dựng nhà máy sản xuất ở Khu công nghiệp thuộc xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Diện tích sử dụng đất là 40.000 m² và có thời hạn sử dụng tính đến năm 2053. Quyền sử dụng đất này đã được cầm cố và thế chấp cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn. (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.22).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31 tháng 12 năm 2018 là 60.000.000 VND (tại 1 tháng 1 năm 2018 là 702.857.143 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/IN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYỄN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2018	5.836.987.368
Tại ngày 31/12/2018	5.836.987.368
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2018	839.830.635
Tại ngày 31/12/2018	839.830.635
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2018	4.997.156.733
Tại ngày 31/12/2018	4.997.156.733

Thông tin bổ sung cho khoản mục bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là lô đất chờ tăng giá tại địa chỉ số 29/3, đường D2, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí). Lô đất có thời hạn sử dụng 50 năm, sẽ hết thời gian sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long (Chi tiết xem tại thuyết minh số 3.22).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này. Tuy nhiên, dựa trên tình hình kinh doanh thực tế, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại vào ngày này.

5.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí mua sắm tài sản cố định	997.272.727	-
Chi phí xây dựng nhà máy gạch không nung	-	206.330.109
Chi phí xây dựng dở dang khác	-	649.993.093
Cộng	997.272.727	856.323.202

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HÀ TẶNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mức B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.14. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000

Thông tin bổ sung cho khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty đã mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với tổng giá trị là 120.000.000.000 đồng bao gồm 120 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) theo lãi suất thả nổi, 3 tháng diễn chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3,2%/năm.

Giấy chứng nhận trái phiếu đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long. (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.22)

5.15. Thuế thu nhập hoãn lại

	Các khoản lãi/lỗ chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất
	VND
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.825.804.238
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	2.585.431.722
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	2.240.322.516
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(176.794.600)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.417.117.116
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(94.274.268)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	94.274.268
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	44.382.279
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	49.891.989
Thu nhập thuần ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(221.176.879)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Phải trả người bán là các bên liên quan (*)	5.273.845.000	5.273.845.000	7.104.788.576	7.104.788.576
Phải trả người bán là các đối tượng khác	265.527.129.813	260.253.284.813	143.517.171.388	143.517.171.388
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành	66.998.681.427	66.998.681.427	41.149.643.276	41.149.643.276
Công ty Cổ phần ROADCO	17.470.190.050	17.470.190.050	2.356.566.490	2.356.566.490
Các nhà cung cấp khác	181.058.258.336	181.058.258.336	100.010.961.622	100.010.961.622
Cộng	270.754.929.813	265.527.129.813	150.621.959.964	150.621.959.964
<i>(*) Chi tiết các khoản phải trả cho các bên liên quan:</i>				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	273.845.000	273.845.000	273.845.000	273.845.000
Công ty CII B&R	-	-	1.830.943.576	1.830.943.576
Cộng	5.273.845.000	5.273.845.000	7.104.788.576	7.104.788.576



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Lợi thế thương mại

	Giá trị ghi số VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	44.941.615.175
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	44.941.615.175
HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	11.235.403.794
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	4.194.161.517
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	15.729.565.311
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	33.706.211.381
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	29.212.049.864

5.18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (*)	369.288.312.269	435.170.949.499
Các khách hàng khác	64.454.418.293	83.398.125.408
Cộng	433.742.730.562	518.569.074.907

(*) Chi tiết người mua trả tiền trước là các bên liên quan:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	180.983.494.978	241.075.263.282
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	96.997.394.009	171.821.982.226
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	53.300.942.952	486.157.985
Công ty Cổ Phần BỐT Trung Lương - Mỹ Thuận	17.574.825.800	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	13.445.460.864	-
Công ty TNHH BỐT Cầu Rạch Miễu	6.623.845.774	21.787.546.006
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	362.347.892	-
Cộng	369.288.312.269	435.170.949.499

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/IN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	1.294.172.904	3.358.455.112	4.112.081.181	540.546.835
Thuế TNDN	8.708.418.878	19.810.758.093	12.841.446.825	15.677.730.146
Thuế TNCN	1.974.331.831	2.361.872.840	2.915.290.668	1.420.914.003
Thuế tài nguyên	2.309.296.197	2.784.573.223	3.926.041.719	1.157.827.301
Các khoản khác	1.178.179.247	2.679.091.813	2.702.267.831	1.155.003.229
Cộng	15.464.399.057	30.994.751.081	26.507.128.224	19.952.021.914

5.20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	4.161.127.515	-
Chi phí lãi vay phải trả	1.934.625.448	2.878.152.035
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh khác	587.777.778	105.000.000
Cộng	6.683.530.741	2.983.152.035

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/IN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.21. Phải trả khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a. Ngắn hạn		
Các khoản thu hộ	19.785.780.485	19.499.026.442
Phải trả các đội thi công	11.655.588.080	6.125.205.904
Phải trả về lãi hỗ trợ kinh doanh	2.083.138.472	123.459.839
Phải trả về gốc hỗ trợ kinh doanh	1.296.200.000	-
Phải trả về mua cổ phần	410.000.000	410.000.000
Bảo hiểm xã hội	802.481.698	113.316.245
Kinh phí công đoàn	347.143.640	116.838.066
Bảo hiểm y tế	115.075.309	19.189.890
Bảo hiểm thất nghiệp	23.970.600	9.608.985
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	98.000	40.637.580.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	798.460.424	684.798.612
	37.317.933.708	67.739.064.083
b. Dài hạn		
Phải trả về vốn hỗ trợ kinh doanh	-	5.750.000.000
	-	5.750.000.000
Cộng	37.317.933.708	73.489.064.083
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan:</i>		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	838.356.164	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	203.608.333	-
Công ty CH	-	21.165.112.000
Cộng	1.041.964.497	21.165.112.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Các khoản vay ngân hàng						
Ngân hàng BIDV - CN Vĩnh Long	282.146.361.728	282.146.361.728	342.031.961.803	368.086.797.539	308.201.197.464	308.201.197.464
Ngân hàng Vietcombank - CN TP. Hồ Chí Minh	69.896.000.263	69.896.000.263	99.896.000.263	148.744.716.820	118.744.716.820	118.744.716.820
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	44.990.077.125	44.990.077.125	181.320.476.817	174.392.093.141	38.061.693.449	38.061.693.449
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Quảng Ngãi	11.697.493.707	11.697.493.707	38.843.386.177	36.941.419.623	9.795.527.153	9.795.527.153
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, TP. Hồ Chí Minh	6.155.780.625	6.155.780.625	123.858.162.017	316.652.823.379	198.930.441.987	198.930.441.987
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Sài Gòn	2.600.000.000	2.600.000.000	5.038.339.018	2.438.339.018	-	-
	417.485.713.448	417.485.713.448	790.988.326.095	1.047.236.189.520	673.733.576.873	673.733.576.873

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)						
Các khoản vay khác						
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	128.814.990.396	128.814.990.396	156.097.290.196	27.282.299.800	-	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thu Thiêm	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	5.000.000.000	5.000.000.000	12.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Các khoản vay cá nhân ngắn hạn	125.901.690.000	125.901.690.000	140.099.250.000	14.197.560.000	-	-
	<u>279.716.680.396</u>	<u>279.716.680.396</u>	<u>328.196.540.196</u>	<u>48.479.859.800</u>	-	-
Cộng	<u>697.202.393.844</u>	<u>697.202.393.844</u>	<u>1.119.184.866.291</u>	<u>1.095.716.049.320</u>	<u>673.733.576.873</u>	<u>673.733.576.873</u>
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem Thuyết minh c)	4.734.255.228	4.734.255.228			9.394.872.080	9.394.872.080
Cộng các khoản vay ngắn hạn	<u>701.936.649.072</u>	<u>701.936.649.072</u>			<u>683.128.448.953</u>	<u>683.128.448.953</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b. Vay dài hạn						
Các khoản vay cá nhân dài hạn	253.436.576.000	253.436.576.000	253.436.576.000	-	-	-
c. Nợ thuê tài chính dài hạn						
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	9.277.803.753	9.277.803.753	-	10.474.236.817	19.752.040.570	19.752.040.570
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SLMI TRUST	706.493.506	706.493.506	900.000.000	193.506.494	-	-
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(4.734.255.228)	(4.734.255.228)			(9.394.872.080)	(9.394.872.080)
	5.250.042.031	5.250.042.031	900.000.000	10.667.743.311	10.357.168.490	10.357.168.490
Cộng	258.686.618.031	258.686.618.031			10.357.168.490	10.357.168.490
Cộng các khoản vay và nợ thuê tài chính	960.623.267.103	960.623.267.103			693.485.617.443	693.485.617.443

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TANG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Trong đó, số dư nợ vay các bên liên quan:</i>						
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận	128.814.990.396	128.814.990.396	156.097.290.196	27.282.299.800	-	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	5.000.000.000	5.000.000.000	12.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Cộng	153.814.990.396	153.814.990.396	188.097.290.196	34.282.299.800	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)***Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính*

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
<u>Ngân hạn</u>					
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long	282,146,361,728	8 tháng	7,9 - 8,6%	Bổ sung vốn lưu động.	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền sử dụng đất tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; (Nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí) - Hệ thống đúc hẫng; - Xe ô tô Honda (CRV) mang biển số 51A-835.2; - Xe ô tô Ford (RANGER) mang biển số 51C-394.48; - Xe ô tô Hyundai (SANTAFE) BS: 51A-856.54; - Xe ô tô biển số 51C-62636; - Xe ô tô biển số 51A-90435; - Xe ô tô biển số 51A-69677; - Quyền đòi nợ các khoản phải thu đã thế chấp với ngân hàng, tổng giá trị các hợp đồng đã thế chấp 535.726.269.972 VND; - Trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội phát hành ngày 19/05/2017 cho Công ty CII E&C trị giá 120 tỷ đồng.
Ngân hàng Vietcombank - CN TP. Hồ Chí Minh	69.896.000,263	10 tháng	7,8%	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, giá trị khoản tiền gửi 20 tỷ đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
Ngân hàng					
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Tây Sài Gòn	44.990.077.125	6 tháng	6,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền sử dụng đất tại đường số 25C, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Quảng Ngãi	11.697.493.707	12 tháng	7,0%	Bổ sung vốn lưu động.	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền khai thác đá tại mỏ Thọ Bắc, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	6.155.780.625	6 tháng	7,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Quyền đòi nợ và thu hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty CII E&C đã sử dụng vốn vay để thi công.
Ngân hàng MBBank - Chi nhánh Đông Sài Gòn	2.600.000.000	12 tháng	7,4%	Phục vụ hoạt động xây lắp công trình điện.	- Khoản phải thu bình thành từ hợp đồng thực hiện gói thầu số 01 "Thi công hạng mục thay thế đèn chiếu sáng thuộc dự án "Tăng cường khả năng khai thác trên tuyến Quốc lộ 1 (đoạn từ cầu Bình Phước đến ngã tư An Suông) quận 12. Trị giá quyền đòi nợ: 8.815.241.680; - Toàn bộ số dư và lãi phát sinh trên Tài khoản tiền gửi thanh toán mở tại ngân hàng cho vay; - Các quyền và lợi ích phát sinh từ Hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ và tài khoản thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN/IN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.22. Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
<u>Ngắn hạn</u>					
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	128.814.990.396	12 tháng	10,5%	Bổ sung vốn thi công công trình xây dựng cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận (Gói thầu KC1-XL4).	Vay tín chấp.
Công ty TNHH MTV Kho Bắc Thủ Thiêm	20.000.000.000	17 tháng	10,0%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	5.000.000.000	12 tháng	9,2%	Bổ sung vốn thi công công trình xây dựng mở rộng QL60 - Béo Tre	Vay tín chấp.
Các khoản vay các cá nhân	125.901.690.000	12 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.
<u>Dài hạn</u>					
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	9.277.803.753	3 - 4 năm	8% - 8,5%	Thuế tài chính.	Giá trị khoản đặt cọc cho khoản thuế tài chính là 2.904.089.000 VND. Sau khi kết thúc hợp đồng Công ty sẽ mua lại toàn bộ thiết bị với giá mua lại bằng 0,3% - 0,5% giá thuê ban đầu.
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN Đà Nẵng	706.493.506	36 tháng	8,5%	Thuế tài chính.	Sau khi kết thúc hợp đồng Công ty sẽ mua lại toàn bộ thiết bị với giá mua lại là 1.000.000 VND
Các khoản vay các cá nhân	253.436.576.000	24 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B.09 - DN/IN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.22. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trong vòng một năm	4.484.904.576	9.394.872.080
Trong năm thứ hai	258.686.618.031	5.067.940.222
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	5.289.228.268
	<u>263.171.522.607</u>	<u>19.752.040.570</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(4.484.904.576)	(9.394.872.080)
Cộng	<u>258.686.618.031</u>	<u>10.357.168.490</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.23. Vốn chủ sở hữu

a. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017	415.000.000.000	400.000.000	-	6.491.138.089	43.123.316.935	-	465.014.455.024
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	90.270.559.651	21.962.682	90.292.522.333
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	188.098.332	188.098.332
Chia cổ tức	-	-	-	-	(41.500.000.000)	(28.846.154)	(41.528.846.154)
Thủ lao cho Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(65.718.500)	-	(65.718.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.927.337.477)	-	(2.927.337.477)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	608.082.817	(608.082.817)	-	-
Chi khen thưởng khác	-	-	-	-	(315.935.000)	-	(315.935.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(6.701.493)	-	(6.701.493)
Tại ngày 01/01/2018	415.000.000.000	400.000.000	-	7.099.220.906	87.970.101.299	181.214.860	510.650.537.065
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.169.299.928	15.523.274	4.184.823.202
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(39.818.367.279)	-	-	-	(39.818.367.279)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(21.000.000)	(21.000.000)
Thủ lao cho Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(295.673.976)	-	(295.673.976)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.778.986.667	(1.778.986.667)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.658.634.779)	-	(4.658.634.779)
Tại ngày 31/12/2018	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	8.878.207.573	85.406.105.805	175.738.134	470.041.684.233

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.23. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Tên cổ đông	31/12/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CH	54,97%	217.151.120.000	51,00%	211.651.120.000
Các cổ đông khác	45,03%	177.848.880.000	49,00%	203.348.880.000
Cộng	100%	395.000.000.000	100%	415.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.000.000	-
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.500.000	41.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	39.500.000	41.500.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

d. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 25 tháng 4 năm 2018, cổ tức năm 2017 được phê duyệt là 5%, tương đương 20.750.000.000 đồng. Tùy thuộc tình hình thừa kế, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xây dựng phương án, hình thức và thời gian chi trả phù hợp với hoạt động của Công ty. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty chưa ra Quyết định chi trả cổ tức, do đó khoản cổ tức này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức năm 2018 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ tối thiểu là 15%. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

5.24. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	918.069.472.770	579.889.479.443
Doanh thu bán hàng	232.689.702.074	246.048.429.357
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.025.672.586	4.463.926.417
Cộng	1.183.784.847.430	830.401.835.217
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	(44.707.349)	-
Doanh thu thuần	1.183.740.140.081	830.401.835.217

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cáo năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/IN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.24. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<i>Trong đó, doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan:</i>		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: <i>Khối lượng thi công dự án Thủ Thiêm</i>	421.010.402.718	271.003.439.508
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu: <i>Khối lượng thi công dự án QL60</i>	183.798.457.091	30.514.784.532
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	152.795.750.794	96.599.852.788
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận: <i>thi công các gói thầu dự án Trung Lương Mỹ Thuận</i>	58.824.976.364	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án DT741</i>	7.468.968.330	27.288.801.949
Công ty CH B&R: <i>Khối lượng thi công các công trình và doanh thu bán hàng hóa</i>	4.647.202.461	36.391.508.737
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu: <i>Khối lượng thi công công trình dự án Cầu Ông Đậu</i>	4.099.084.461	-
Công ty SII: <i>Khối lượng thi công các gói thầu dự án nhà máy nước Củ Chi</i>	-	19.090.874.968
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CH: <i>Khối lượng duy tu công trình đường Nguyễn Hoàng</i>	-	398.804.394
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng tỉnh Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công công trình Ninh Thuận</i>	(1.493.306.260)	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2 và trạm thu phí Cà Ná</i>	(8.229.800.195)	37.886.308.195
Cộng	822.921.735.764	519.174.375.071

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/IN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.25. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn từ hoạt động xây dựng	868.354.112.270	458.418.411.091
Giá vốn hàng đã bán	208.069.856.672	206.426.846.571
Giá vốn của dịch vụ	11.597.588.381	2.164.141.387
Cộng	1.088.021.557.323	667.009.399.049

5.26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	57.285.306.001	35.104.878.017
Lãi phát sinh từ khoản ứng vốn cho nhà thầu thi công	-	7.500.000.000
Huàn nhập lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	-	(379.489.959)
Cộng	57.285.306.001	42.225.388.058

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh với các bên liên quan:

Công ty CH	25.483.678.153	25.704.823.129
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	12.166.666.667	7.566.666.667
Cộng	37.650.344.820	33.271.489.796

5.27. Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	67.737.083.845	57.558.791.109
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	1.282.780.669	1.887.775.743
Lỗi tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm	568.752	-
Lỗi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	354.064	962.285
Chi phí tài chính khác	12.151.951	-
Cộng	69.032.939.281	59.447.529.137

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh với các bên liên quan:

Công ty CH	8.224.754.963	13.695.387.514
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	7.097.290.196	-
Công ty TNHH MTV Khu Bức Thủ Thiêm	838.356.164	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	248.655.555	-
Cộng	16.409.056.878	13.695.387.514

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/TN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.28. Chi phí bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	1.021.596.895	1.065.342.525
Chi phí vật liệu bao bì	-	342.703.984
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	21.613.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.446.428.113	4.202.044.023
Chi phí bằng tiền khác	627.993.070	662.579.600
Cộng	5.096.018.078	6.294.285.868

5.29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	29.548.114.109	28.282.797.308
Chi phí vật liệu quản lý	12.460.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.171.138.056	1.999.604.526
Chi phí khấu hao	1.454.387.151	1.709.109.931
Chi phí công tác, tiếp khách	1.133.135.966	1.607.251.668
Thuế, phí và lệ phí	74.100.128	-
Chi phí dự phòng	51.965.484	831.348.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.496.385.643	11.698.133.212
Chi phí bằng tiền khác	2.601.751.464	3.907.777.344
Phân bổ lợi thế thương mại	4.494.161.517	4.494.161.518
Cộng	52.037.599.518	54.530.184.495

Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh với các bên liên quan:

Công ty TNHH MIV Đầu tư Kinh doanh Địa

Ôc Lũ Gia

828.827.482

664.609.527

5.30. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	82.819.366	67.366.385
Lãi từ giao dịch mua, giá rẻ	-	27.611.132.597
Các khoản thu nhập khác	442.675.934	163.128.717
Cộng	525.495.300	27.841.627.499

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu D 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.31. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính và trong lĩnh vực thuế	2.078.462.771	2.816.103.903
Xử lý khoản chi phí đầu tư xây dựng dở dang	649.993.093	-
Giá trị còn lại của TSCĐ và CCDC thanh lý	-	804.205.694
Các khoản chi phí khác	859.966.902	132.198.831
Cộng	3.588.422.766	3.752.508.428

5.32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	23.774.404.416	109.434.943.797
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	52.890.095.560	4.191.349.967
Lợi thế thương mại phân bổ	4.494.161.517	4.494.161.518
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ bị loại trừ khi hợp nhất	1.105.884.295	(13.037.178.614)
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	(27.611.132.397)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	379.489.959
	(91.393.270)	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế		
Thu nhập chịu thuế	82.173.152.518	77.851.634.230
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	82.173.152.518	77.851.634.230
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	16.434.630.504	15.570.326.847
Thuế TNDN năm trước nộp bổ sung	3.376.127.589	892.338.626
Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.810.758.093	16.462.665.473

5.33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	584.825.068.699	804.107.899.854
Giá mua hàng hóa	63.732.128.031	-
Chi phí nhân công	105.187.068.468	97.829.810.064
Chi phí dự phòng	264.108.500	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.711.831.757	15.649.329.887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	732.158.878.799	450.894.217.338
Chi phí bằng tiền khác	16.098.311.981	22.434.953.905
Cộng	1.518.977.396.235	1.390.916.211.048

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	4.169.299.928	90.270.559.651
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(291.850.995)	(2.708.760.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.877.448.933	87.561.799.651
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	40.250.001	41.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	96	2.110

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Số tiền vay thực nhận trong năm theo kế hoạch thông thường	1.202.550.704.473	1.143.086.510.768
Tiền vay các Công ty trong tập đoàn Công	676.350.928.458	787.500.000.000
Cộng	1.878.901.632.931	1.930.586.510.768
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Hoán trả nợ gốc vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo kế hoạch thông thường	1.083.914.101.898	762.077.727.557
Trả nợ gốc vay các Công ty trong tập đoàn Công	522.535.938.062	787.500.000.000
Cộng	1.606.450.039.960	1.549.577.727.557

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Báo cáo bộ phận**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng: sản xuất kinh doanh cần cẩu, trụ đơn, trụ điện lực, thiết bị điện; khai thác khoáng sản (đất, đá) và bán vật tư xây dựng.
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng.
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng, kho bãi và cho thuê tài sản, thiết bị.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)***Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018*

	Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND	Thi công, lắp đặt, đầu tư công trình VND	Cho thuê tài sản và dịch vụ khác VND	Loại trừ gian dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	232.644.994.725	918.069.472.770	33.025.672.586	-	1.183.740.140.081
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	234.764.079.128	93.822.412.908	5.474.442.953	(334.060.934.989)	-
Cộng	467.409.073.853	1.011.891.885.678	38.500.115.539	(334.060.934.989)	1.183.740.140.081
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	208.069.856.672	868.354.112.270	11.597.588.381		1.088.021.557.323
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phần	249.309.959.823	79.334.509.895	-	(328.644.469.718)	-
Cộng	457.379.816.495	947.688.622.165	11.597.588.381	(328.644.469.718)	1.088.021.557.323
Lợi nhuận gộp bộ phận	10.029.257.358	64.203.263.513	26.902.527.158	(5.416.465.271)	95.718.582.758
Doanh thu hoạt động tài chính					57.285.306.001
Chi phí tài chính					69.032.939.281
Chi phí bán hàng					5.096.018.078
Chi phí quản lý doanh nghiệp					52.037.599.518
Thu nhập khác					525.495.300
Chi phí khác					3.588.422.766
Chi phí thuế TNDN hiện hành					19.810.758.093
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					(221.176.879)
Tổng lợi nhuận sau thuế					4.184.823.202

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND	Thi công, lắp đặt, đầu tư công trình VND	Cho thuê tài sản và dịch vụ khác VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	246.048.429.357	579.889.479.443	4.463.926.417	-	830.401.835.217
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	113.498.513.165	49.392.934.964	9.980.358.416	(174.871.806.545)	-
Cộng	361.546.942.522	629.282.414.407	14.444.284.833	(174.871.806.545)	830.401.835.217
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	206.426.846.571	458.418.411.091	2.164.141.387	-	667.009.399.049
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phần	13.225.935.544	152.785.533.016	9.980.358.416	(175.991.826.976)	-
Cộng	219.652.782.115	611.203.944.107	12.144.499.803	(175.991.826.976)	667.009.399.049
Lợi nhuận gộp bộ phận	141.894.160.407	18.078.470.300	2.299.785.030	1.120.020.431	163.392.436.168
Doanh thu hoạt động tài chính					42.225.388.058
Chi phí tài chính					59.447.529.137
Chi phí bán hàng					6.294.285.868
Chi phí quản lý doanh nghiệp					54.530.184.495
Thu nhập khác					27.841.627.499
Chi phí khác					3.752.508.428
Chi phí thuế TNDN hiện hành					16.462.665.473
Chi phí/(Chi nhập) thuế TNDN hoãn lại					2.679.755.991
Tổng lợi nhuận sau thuế					90.292.522.333

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Danh sách bên liên quanMối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CH")

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CH ("Công ty CH B&R")

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CH

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn ("Công ty SI")

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận

Công ty liên kết của tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy

Công ty liên kết của tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty CH		
Nhận vốn hợp tác thi công dự án	1.381.491.506.849	787.500.000.000
Hoàn trả vốn hợp tác thi công dự án	893.237.868.587	578.661.720.309
Thanh toán chi phí sử dụng vốn	2.762.131.413	8.688.279.691
Chuyển vốn hợp tác đầu tư	724.904.635.000	247.000.000.000
Thụ hồi vốn hợp tác đầu tư	186.000.000.000	15.583.188.649
Thu tiền lãi hợp tác đầu tư thi công dự án	-	10.416.811.551
Cần trừ công nợ hai bên	493.716.261.812	213.845.387.514
Cổ tức đã trả cho công ty mẹ trong năm	21.165.112.000	-
Nhận ứng trước tiền thi công dự án Thủ Thiêm	-	1.028.837.608

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/IN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Thu tiền khối lượng thi công xây lắp	107.983.557.569	345.102.548.921
Mua trái phiếu	-	120.000.000.000
Thu lãi trái phiếu	12.166.656.667	-
Chuyển trả lại tiền thi công gói thầu 5A do tạm ứng dư	-	1.274.859.912
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		
Thu tiền khối lượng thi công các công trình	-	25.064.613.909
Công ty SH		
Thu tiền khối lượng thi công dự án	-	94.620.033.721
Chi phí sức xả khử trùng tuyến ống	-	466.028.036
Chuyển trả tiền sức xả khử trùng tuyến ống	-	500.054.128
Thanh toán tiền khắc phục sự cố	-	12.843.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận thanh toán mua vật tư và thi công công trình	408.125.454.377	402.680.861.180
Nhận tiền hỗ trợ vốn	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG		
Thu tiền thi công dự án DT 741	8.101.701.605	25.841.090.689
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Thu tiền thi công các công trình	187.014.602.569	55.353.808.993
Thu hộ tiền thi công dự án Quốc lộ 60 cho các bên liên quan	65.972.812.150	-
Thu tiền vay	12.000.000.000	-
Chuyển trả tiền vay	7.000.000.000	-
Lãi vay đã trả	45.047.222	-
Công ty CH B&R		
Thu tiền thi công và bán vận tư	8.767.862.098	47.309.835.676
Cần trừ công nợ phải thu, phải trả	1.621.159.905	-
Chi phí mua vật tư	-	1.664.494.160
Nhận chuyển nhượng công ty LGC	-	78.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro		
Thanh toán tiền mua ống và phụ kiện giai đoạn 2	-	17.528.305.086
Nhập kho ống và phụ kiện	-	9.113.274.960

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng		
Thanh toán tiền thi công	438.684.834	109.681.818
Chi phí thi công sửa đường, vệ sinh mặt đường	62.727.272	368.495.454
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh địa ốc Lữ Gia		
Thanh toán tiền thuê văn phòng	694.184.160	731.070.480
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Tiền đi vay nhận được trong năm	149.000.000.000	-
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	1.337.883.000	-
Lãi đi vay nhập vào nợ gốc vay	7.097.293.196	-
Cán trừ tiền thi công vào nợ gốc vay	25.944.416.800	-
Thu tiền thi công dự án	56.337.883.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ		
Nhận tạm ứng tiền bán hàng	13.445.460.864	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu		
Thu tiền thi công dự án	4.508.992.907	-

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lương và các khoản thu nhập khác	2.147.868.117	2.126.593.102

7.3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vận hoạt động liên tục và tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	961.919.467.103	699.235.617.443
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(36.115.978.855)	(102.348.349.253)
Nợ thuần	925.803.488.248	596.887.268.190
Vốn chủ sở hữu	470.041.684.233	510.650.537.065
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	197%	117%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.115.978.855	102.348.349.253
Phải thu khách hàng	194.388.328.743	206.354.983.662
Phải thu về cho vay	553.786.736.375	197.574.190.058
Phải thu khác	88.367.480.038	77.918.504.290
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	120.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	992.658.524.011	704.196.188.264
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	961.919.467.103	699.235.617.443
Phải trả người bán	270.754.929.813	150.621.959.964
Các khoản phải trả khác	36.021.733.708	67.739.064.083
Chi phí phải trả	6.683.530.741	2.983.152.035
Cộng	1.275.379.661.365	920.579.793.525

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đóng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trong yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau về phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và dư vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về lĩnh thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CHII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.115.978.855	-	-	36.115.978.855
Phải thu khách hàng	194.388.328.743	-	-	194.388.328.743
Phải thu về cho vay	553.786.736.375	-	-	553.786.736.375
Phải thu khác	64.237.993.594	24.129.486.444	-	88.367.480.038
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	120.000.000.000	-	120.000.000.000
Cộng	848.529.037.567	144.129.486.444	-	992.658.524.011
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	703.232.849.072	258.686.618.031	-	961.919.467.103
Phải trả người bán	270.754.929.813	-	-	270.754.929.813
Các khoản phải trả khác	36.021.733.708	-	-	36.021.733.708
Chi phí phải trả	6.683.530.741	-	-	6.683.530.741
Cộng	1.016.693.043.334	258.686.618.031	-	1.275.379.661.365
Chênh lệch thanh khoản thuần	(168.164.005.767)	(114.557.131.587)	-	(282.721.137.354)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B-09 - DN/HH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.348.349.253	-	-	102.348.349.253
Phải thu khách hàng	206.354.983.662	-	-	206.354.983.662
Phải thu về cho vay	197.574.190.058	-	-	197.574.190.058
Phải thu khác	72.725.110.500	5.193.393.790	-	77.918.504.290
Dầu trư tài chính ngắn hạn	161.001	-	-	161.001
Dầu trư tài chính dài hạn	-	120.000.000.000	-	120.000.000.000
Cộng	579.002.794.474	125.193.393.790	-	704.196.188.264
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	683.128.448.953	16.107.168.490	-	699.235.617.443
Phải trả người bán	150.621.959.964	-	-	150.621.959.964
Các khoản phải trả khác	67.739.064.083	-	-	67.739.064.083
Chi phí phải trả	2.983.152.035	-	-	2.983.152.035
Cộng	904.472.625.035	16.107.168.490	-	920.579.793.525
Chênh lệch thanh khoản thuần	(325.469.830.561)	109.086.225.300	-	(216.383.605.261)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CHI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B.09 - DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.4 Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Thành